

# KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (BVB)

## Ngân hàng TMCP Bản Việt

Ngày	10,600 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	1.0%	-3.6%

Tổng thu nhập	2023
1,755,03	triệu VNĐ
YoY: ▼162,202	-8.5%

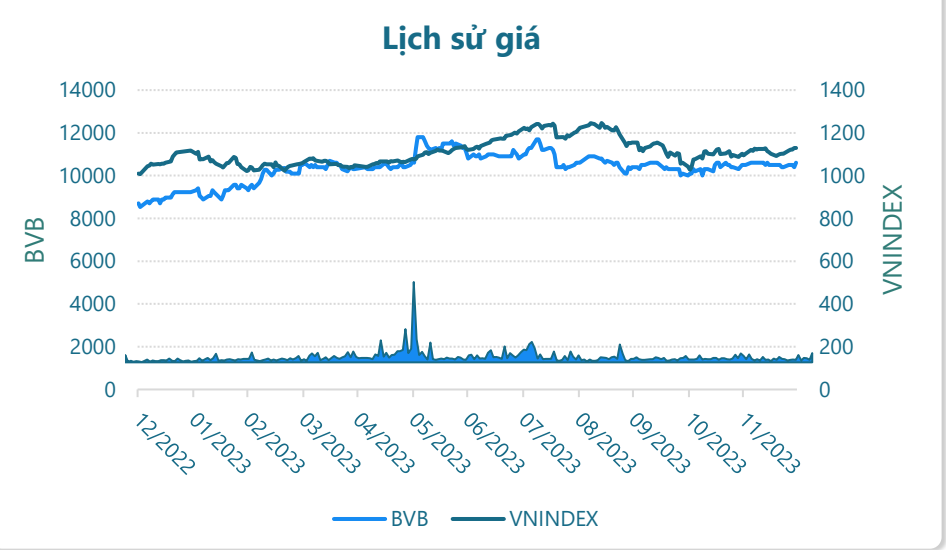
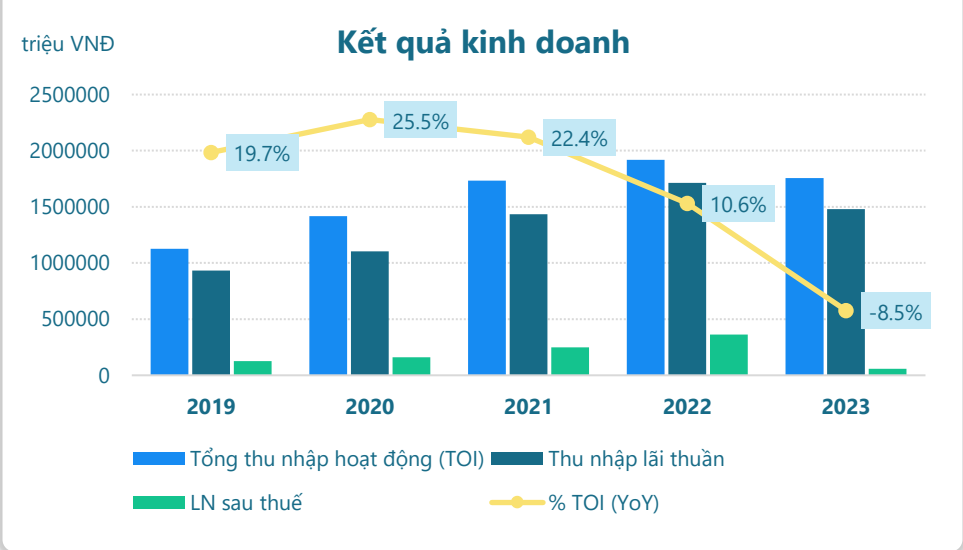
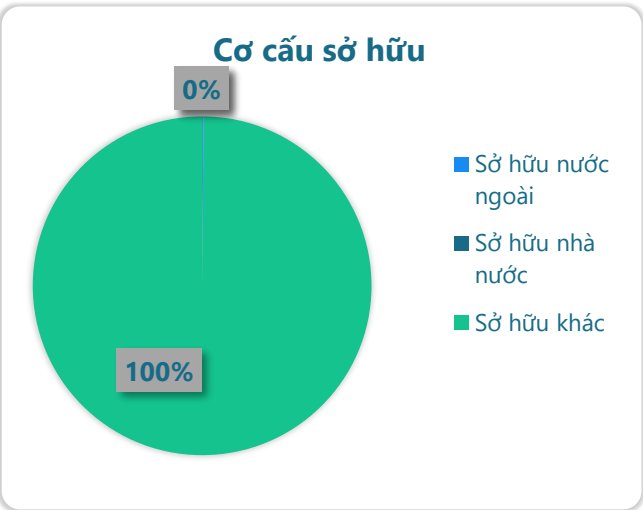
Thu nhập lãi thuần	2023
1,478,61	triệu VNĐ
YoY: ▼235,248	-13.7%

LN sau thuế	2023
56,568	triệu VNĐ
YoY: ▼307,480	-84.5%

YOEA	2023
8.8%	
YoY: +/-▲	1.3%

NIM	2023
1.9%	
YoY: +/-▼	0.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,533 - 11,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,318
Số lượng CPLH (CP)	501,680,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	141,140
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.96
EPS	113
P/E	94.0

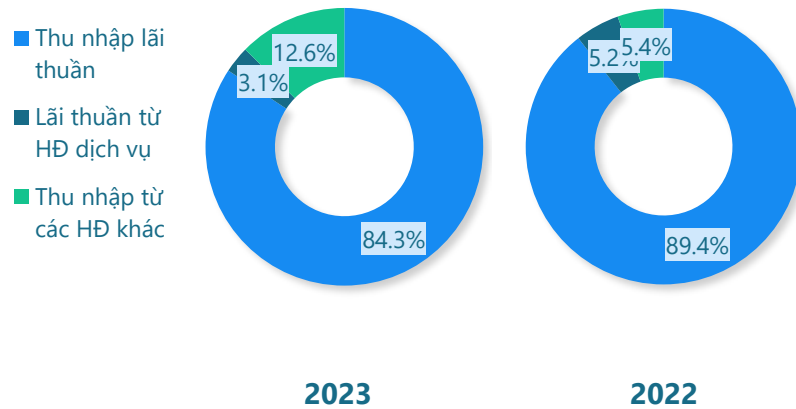


Tổng thu nhập hoạt động của **BVB** năm **2023 giảm 8.46%** so với năm trước, còn **1,755,036** tỷ đồng. Trong đó, thu nhập lãi thuần cũng **giảm 13.7%**, còn **1,478,618** tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế **sụt giảm 84.5%** so với năm trước đạt **56,568** tỷ đồng.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEA) **tăng thêm 1.28%** so với năm trước đạt **8.79%**, và cũng **cao hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 0.45%** ở mức **1.87%**, nhưng **thấp hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

## Ngân hàng TMCP Bản Việt

### Thu nhập thuần



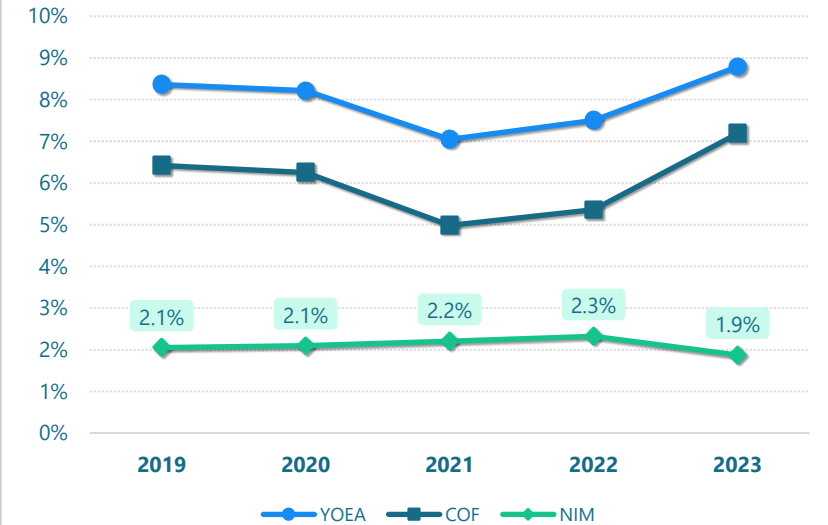
Năm **2023**, **thu nhập từ lãi thuần** của **BVB** chiếm **84.3%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **thấp hơn** năm trước (**89.4%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **3.10%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **12.6%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **276,515** tỷ đồng, **tăng 23.3%** so với năm trước.

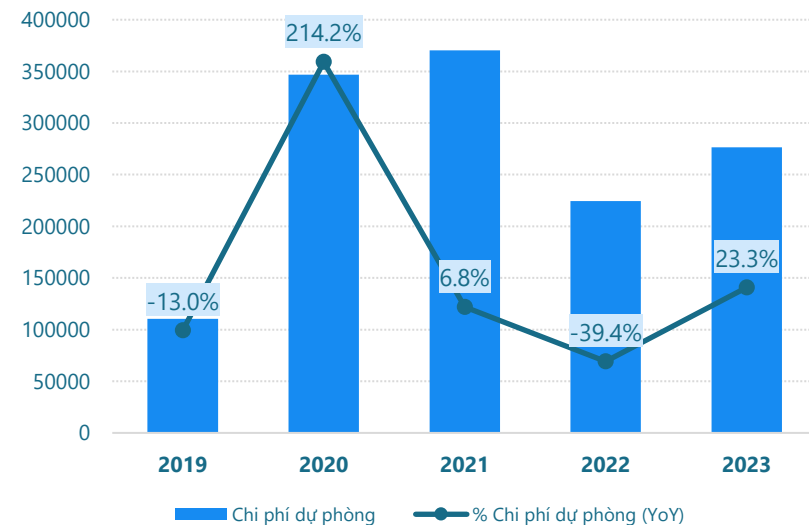
Tỷ lệ chi phí huy động vốn (**COF**) là **7.18%**, **tăng thêm 1.82 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của BVB **cao** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **2.34 đ%**, là một dấu hiệu tiêu cực cho thấy ngân hàng đang phải trả mức lãi suất cao hơn để huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

**Chi phí hoạt động** của **BVB** năm **2023** là **1,406,915** tỷ đồng, **tăng 13.8%** so với năm trước. Bên cạnh đó Tỷ số chi phí trên thu nhập (**CIR**) bằng **80.2%** cũng **cao hơn** năm trước **15.65 đ%** cho thấy chi phí hoạt động đang **tăng** nhanh hơn so với thu nhập hoạt động. CIR của BVB **bằng** CIR trung bình ngành (**80.2%**), không phải dấu hiệu xấu nhưng cần cải thiện để nâng cao hiệu quả hoạt

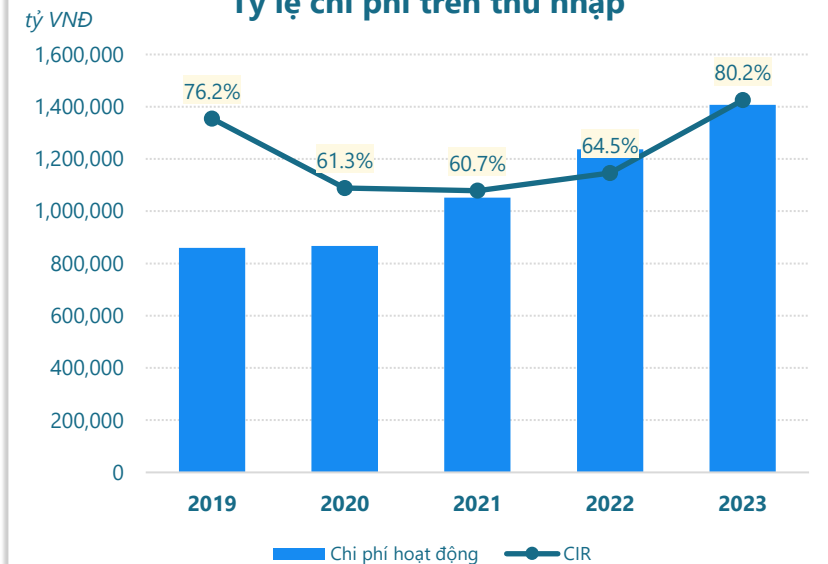
### Tỷ suất sinh lợi, Chi phí



### Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng



### Tỷ lệ chi phí trên thu nhập

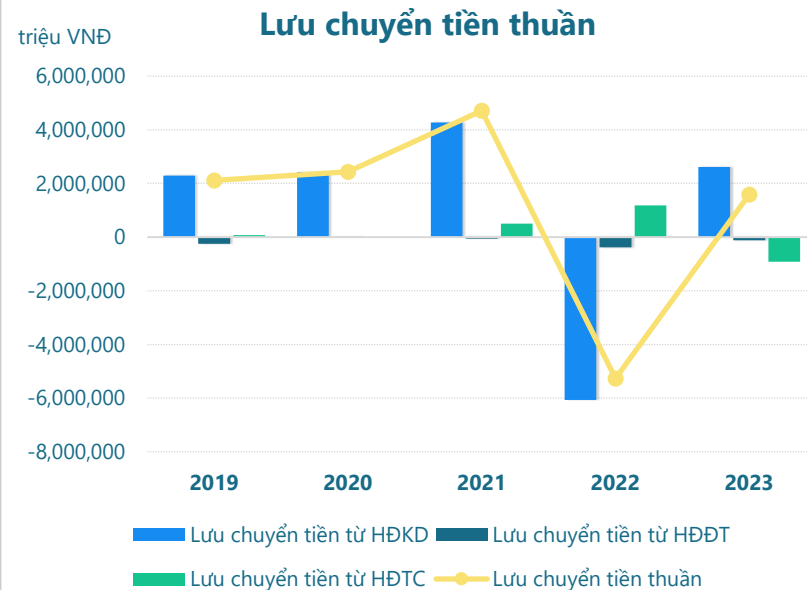


## Ngân hàng TMCP Bản Việt

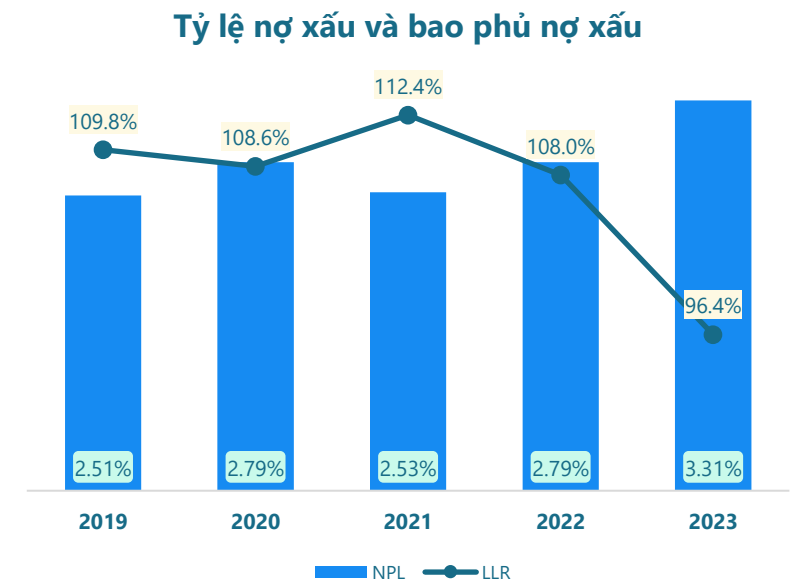
**Lưu chuyển tiền thuần** năm **2023** của **BVB** dương **1,582,259** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **2,619,143** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) **tăng lên 3.31%** cùng với Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm xuống 96.4% so với năm trước cho thấy sự suy giảm về chất lượng tài sản và khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng.



Năm **2023**, khoản **Cho vay khách hàng** của **BVB** đạt **56,967,126** tỷ đồng, **tăng trưởng 13.7%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **57,138,791** tỷ đồng, **tăng trưởng 14.0%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** đạt **99.7%** và thấp hơn so với năm trước, cho thấy ngân hàng đang hoạt động trong ngưỡng an toàn và hoạt động cho vay so với huy động vốn đang giảm dần.



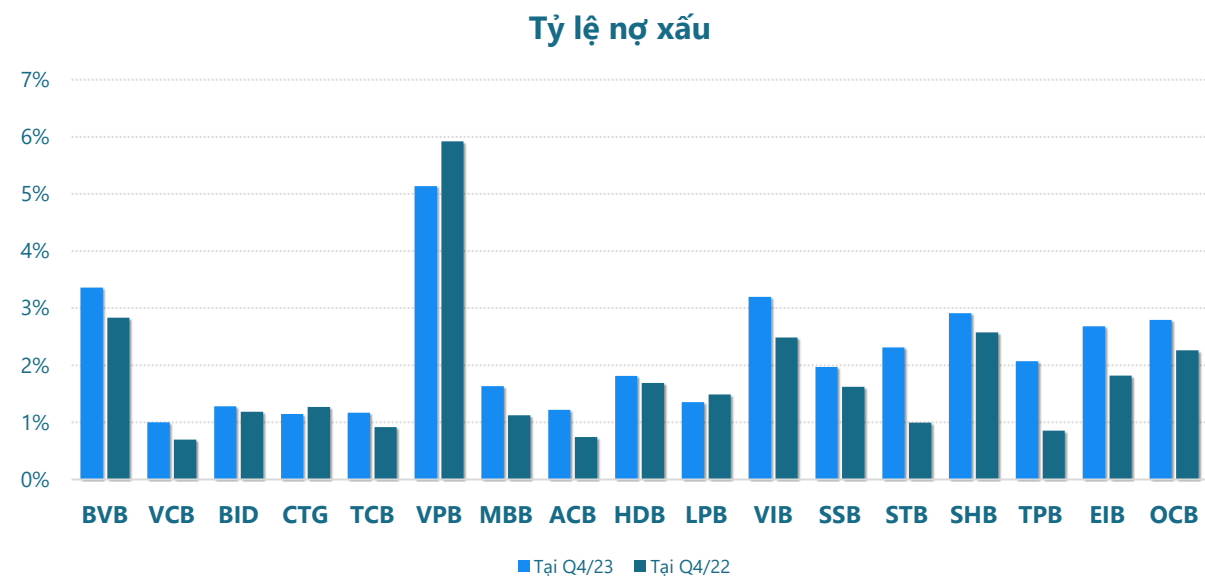
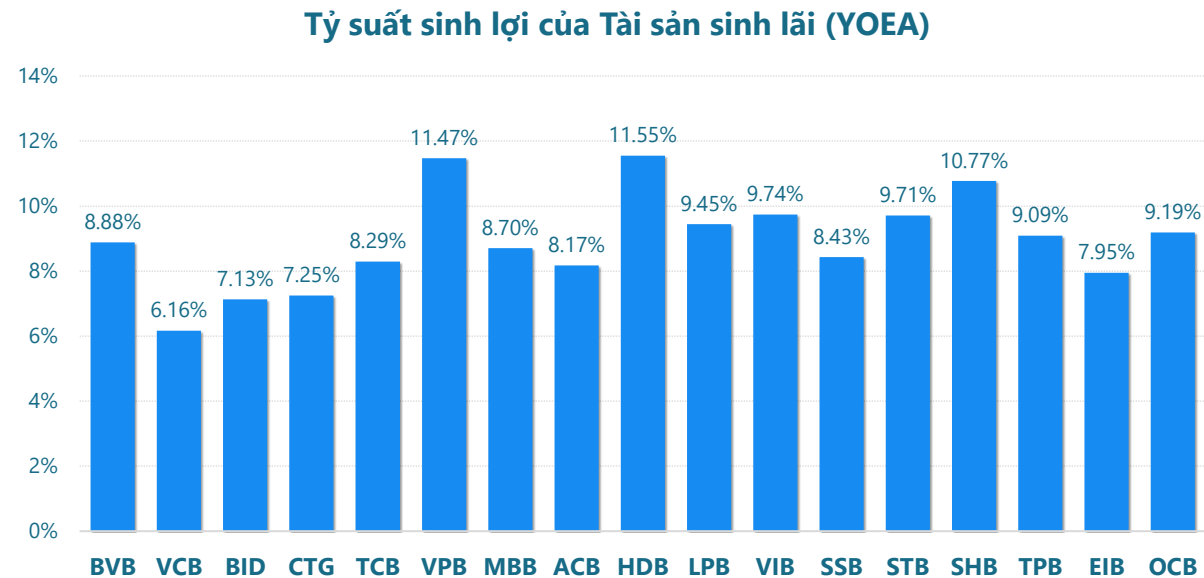
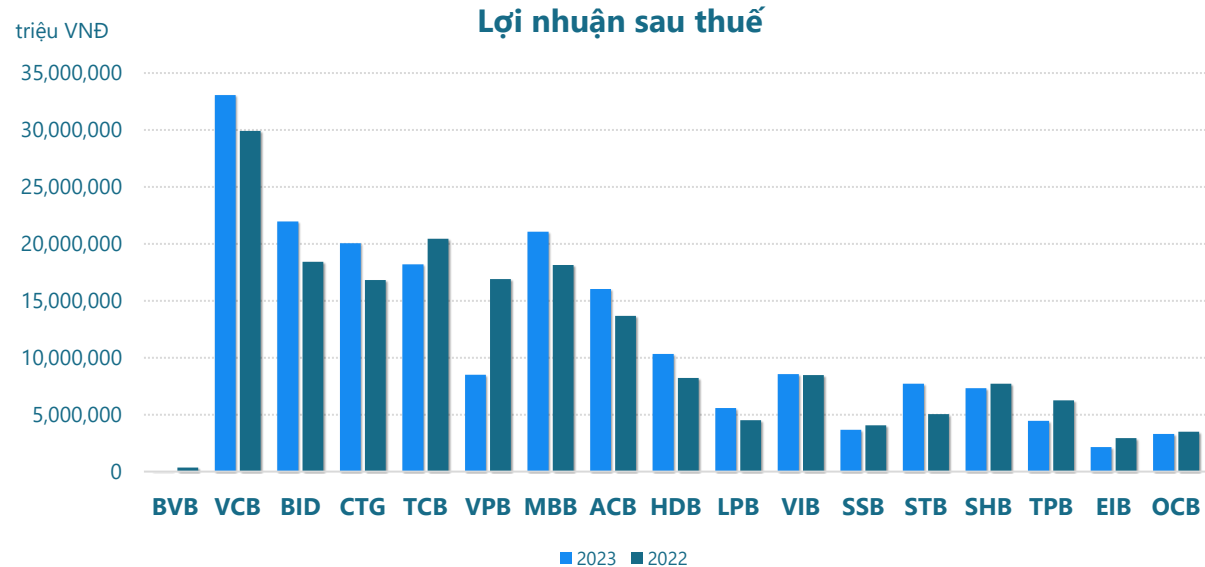
## Ngân hàng TMCP Bản Việt

KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>1,104,675</b>	<b>1,434,862</b>	<b>1,713,866</b>	<b>1,478,618</b>
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	60,218	71,002	99,768	54,414
Lãi thuần từ KD ngoại hối	36,957	32,940	42,900	22,314
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	163,883	141,903	-4,780	122,144
Lãi thuần từ HĐ khác	49,943	52,296	65,484	77,546
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	175	292	0	0
<b>Tổng thu nhập hoạt động (TOI)</b>	<b>1,415,851</b>	<b>1,733,295</b>	<b>1,917,238</b>	<b>1,755,036</b>
Chi phí hoạt động	867,461	1,051,415	1,236,838	1,406,915
<b>LN trước dự phòng</b>	<b>548,390</b>	<b>681,880</b>	<b>680,400</b>	<b>348,121</b>
Chi phí dự phòng	346,902	370,432	224,345	276,515
<b>LN trước thuế</b>	<b>201,488</b>	<b>311,448</b>	<b>456,055</b>	<b>71,606</b>
Thuế	40,632	62,610	92,007	15,038
<b>LN sau thuế</b>	<b>160,856</b>	<b>248,838</b>	<b>364,048</b>	<b>56,568</b>
<b>LN ròng</b>	<b>160,856</b>	<b>248,838</b>	<b>364,048</b>	<b>56,568</b>

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2,421,278	4,269,587	-6,064,569	2,619,143
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13,082	-59,217	-383,580	-116,405
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	499,900	1,181,240	-920,479
Tiền đầu kỳ	9,360,279	11,794,639	16,504,909	11,238,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>2,434,360</b>	<b>4,710,270</b>	<b>-5,266,909</b>	<b>1,582,259</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11,794,639	16,504,909	11,238,000	12,820,259

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Tổng tài sản</b>	<b>61,101,561</b>	<b>76,511,392</b>	<b>79,067,497</b>	<b>87,883,977</b>
Tiền và TĐ tiền	433,959	616,152	455,434	497,797
Tiền gửi tại NHNN	1,859,542	2,536,676	2,404,213	1,862,830
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	10,901,137	14,852,080	10,213,353	11,359,632
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Các CCPS và các TS TC khác	9,908	13,221	82,148	0
<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>39,261,211</b>	<b>45,688,710</b>	<b>50,117,927</b>	<b>56,967,126</b>
Chứng khoán đầu tư	4,702,998	9,050,568	11,282,618	12,067,336
Góp vốn đầu tư dài hạn	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,261,501	1,226,824	1,420,971	1,502,903
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản có khác	2,671,305	2,527,161	3,090,833	3,626,353
<b>Tổng nợ</b>	<b>57,211,208</b>	<b>71,872,303</b>	<b>74,064,911</b>	<b>82,040,073</b>
Các khoản nợ CP và NHNN	0	0	1,486,331	0
Tiền gửi và vay các TCTD khác	9,346,264	14,740,205	11,218,162	12,506,650
<b>Tiền gửi khách hàng</b>	<b>41,372,546</b>	<b>45,244,577</b>	<b>50,129,097</b>	<b>57,138,791</b>
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	0	20,597
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	0	0	352,500	361,725
Phát hành giấy tờ có giá	5,223,280	10,577,413	9,484,798	10,023,371
Các khoản nợ khác	1,269,118	1,310,108	1,394,023	1,988,939
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,890,353</b>	<b>4,639,089</b>	<b>5,002,586</b>	<b>5,843,904</b>
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0

## Ngân hàng TMCP Bản Việt



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **BVB** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **56,568** tỷ đồng (**giảm đi 84.5%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEAs**), **HDB** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **11.6%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **BVB** đạt mức tỷ suất là **8.88%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **VPB** là cao nhất ở mức **5.14%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**. Còn **BVB** có tỷ lệ nợ xấu bằng **3.36%**, xếp thứ 4 trong nhóm mã trên.